

Số: 237/KH-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 06 tháng 7 năm 2022

KẾ HOẠCH

Nâng hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH (PCI) CỦA TỈNH NĂM 2021

1. Kết quả vị trí xếp hạng

Năm 2021, Thừa Thiên Huế thuộc vào nhóm những tỉnh, thành phố có chỉ số PCI hàng đầu cả nước với vị trí thứ 8/63 tỉnh/thành cả nước, tăng 9 bậc trong bảng xếp hạng chỉ số PCI với số điểm đánh giá đạt 69,24 điểm và chuyển từ “nhóm khá” lên “nhóm tốt” của toàn quốc.

Chi tiết điểm số 10 chỉ số thành phần so với năm trước như sau:

Chỉ số	Điểm số			Xếp hạng		
	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm (+/-)	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/giảm (+/-)
Tính minh bạch	6,36	6,47	0,11	10	11	-1
Chi phí thời gian	8,07	8,29	0,22	22	8	14
Cạnh tranh bình đẳng	7,58	6,39	-1,19	10	20	-10
Chi phí không chính thức	6,97	7,95	0,98	18	4	14
Thiết chế pháp lý	6,99	7,16	0,17	25	34	-9
Tính năng động	6,52	7,06	0,54	26	21	5
Tiếp cận đất đai	6,33	7,05	0,72	43	33	10
Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	5,50	6,94	1,44	49	30	19
Gia nhập thị trường	7,09	7,02	-0,07	53	27	26
Đào tạo lao động	6,52	6,49	-0,03	31	14	17
PCI	65,03	69,24	4,21	17	8	9

2. Đánh giá kết quả thực hiện so với Kế hoạch đề ra

Chỉ số	Xếp hạng			Đánh giá
	TH Năm 2020	KH Năm 2021	Kết quả TH năm 2021	
Tính minh bạch	10	<5	11	Không đạt
Chi phí thời gian	22	<10	8	Đạt
Cạnh tranh bình đẳng	10	<5	20	Không đạt
Chi phí không chính thức	18	<10	4	Đạt
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	25	<10	34	Không đạt
Tính năng động	26	<10	21	Không đạt
Tiếp cận đất đai	43	<25	33	Không đạt
Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	49	<25	30	Không đạt
Gia nhập thị trường	53	<25	27	Không đạt
Đào tạo lao động	31	<15	14	Đạt
PCI	17	<10	8	Đạt

Kết quả cho thấy chỉ 3/10 chỉ tiêu đạt kế hoạch đề ra bao gồm: Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức và Đào tạo lao động. Tuy nhiên, mục tiêu đạt TOP 10 cả nước cũng đã đạt được, lý do đến từ việc các chỉ tiêu còn lại dù không đạt được thứ hạng so với kế hoạch đã đề ra tuy nhiên đã có nhiều cải thiện về điểm số và thứ hạng cụ thể như: Tiếp cận đất đai, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và Tính năng động,...; đồng thời, sự chênh lệch về điểm số giữa các tỉnh/thành phố đối với các chỉ tiêu này là không lớn.

3. Phân tích kết quả vị trí xếp hạng

Trong 10 chỉ số thành phần PCI năm 2021 của tỉnh Thừa Thiên Huế, thì:

- Có 08 chỉ số thành phần có điểm số cao hơn và 02 chỉ số có điểm số thấp hơn mức bình quân của cả nước;

- Có 07 chỉ số thành phần tăng điểm và 03 chỉ số giảm điểm so với năm ngoái;

- Có 07 chỉ số thành phần tăng bậc xếp hạng và 03 chỉ số giảm bậc xếp hạng.

Cụ thể:

07 chỉ số thành phần tăng vị trí xếp hạng, gồm:

(i) Chỉ số *Chi phí không chính thức* xếp thứ 4/63, tăng 14 bậc.

- (ii) Chỉ số *Chi phí thời gian* xếp thứ 8/63, tăng 14 bậc.
- (iii) Chỉ số *Đào tạo lao động* xếp thứ 14/63, tăng 17 bậc.
- (iv) Chỉ số *Tính năng động* xếp thứ 21/63, tăng 5 bậc.
- (v) Chỉ số *Gia nhập thị trường* xếp thứ 27/63, tăng 26 bậc.
- (vi) Chỉ số *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp* xếp thứ 30/63, tăng 19 bậc.
- (vii) Chỉ số *Tiếp cận đất đai* xếp thứ 33/63, tăng 10 bậc.

03 chỉ số thành phần giảm vị trí xếp hạng, gồm:

- (i) Chỉ số *Tính minh bạch* xếp thứ 11/63, giảm 1 bậc.
- (ii) Chỉ số *Thiết chế pháp lý* xếp thứ 34/63, giảm 9 bậc.
- (iii) Chỉ số *Cạnh tranh bình đẳng* xếp thứ 20/63, giảm 10 bậc.

a) Phân tích các chỉ số tăng hạng

Trong 07 chỉ số tăng hạng năm 2021, có 02 chỉ số được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao, đó là chỉ số **Chi phí không chính thức** (đạt 7,95 điểm – đứng thứ 4 cả nước) và **Chi phí thời gian** (đạt 8,29 điểm - đứng thứ 8 cả nước), điều này cho thấy những giải pháp nhằm cắt giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp của Tỉnh đã phát huy và được cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận. Các chỉ số tăng bậc mạnh là những chỉ số năm 2020 ghi nhận vị trí thứ hạng thấp hơn mức bình quân chung cả nước như: Chỉ số Gia nhập thị trường (tăng 26 bậc), Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (tăng 19 bậc), Đào tạo lao động (tăng 17 bậc); Tiếp cận đất đai (tăng 10 bậc); cho thấy cộng đồng doanh nghiệp đã ghi nhận những nỗ lực của tỉnh trong việc triển khai các giải pháp nhằm cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

(i) Chỉ số Chi phí không chính thức

Là chỉ số có vị trí xếp hạng cao nhất so với cả nước trong tất cả các chỉ số thành phần, tăng 14 bậc so với năm 2020 lên vị trí xếp hạng thứ 04 toàn quốc trong năm 2021. Điều này thể hiện sự ghi nhận của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc giảm các chi phí không chính thức (CPKCT) cho cán bộ thanh, kiểm tra, cán bộ giải quyết các thủ tục hành chính (TTHC), tình trạng những nhiễu,... Cụ thể, có 14/16 chỉ số thành phần được đánh giá cao hơn mức bình quân chung cả nước; trong đó, có 02 chỉ số thành phần tỉnh được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá tốt nhất và nhì cả nước đó là việc tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường và cho cán bộ quản lý thị trường.

Bên cạnh đó, có 02/10 chỉ số thành phần có số điểm dưới mức bình quân của cả nước cần được cải thiện, bao gồm: Doanh nghiệp lo ngại tình trạng “chạy án” phổ biến trong khi thực hiện các TTHC và Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đăng ký đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 01).

(ii) Chỉ số Chi phí thời gian

Năm 2021, chỉ số *Chi phí thời gian* của tỉnh xếp thứ 8/63 tỉnh, thành; tăng 14 bậc.

Chỉ số này được cải thiện tăng bậc đáng kể so với năm ngoái, trong đó có 10/14 chỉ số con có số điểm cao hơn mức bình quân của cả nước, thể hiện qua các chỉ tiêu: Thực hiện thủ tục trực tuyến giúp giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp; doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến; cán bộ thanh, kiểm tra không lợi dụng thực thi công vụ để nhũng nhiễu doanh nghiệp; phí, lệ phí được niêm yết công khai; cán bộ thân thiện, giải quyết công việc hiệu quả,... Có thể thấy, tỉnh Thiên Thiên Huế là tỉnh nhiều năm liền dẫn đầu cả nước về Chỉ số ICT - mức độ sẵn sàng phát triển và áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông cho nên, việc được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao trong các chỉ số thành phần liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến tại địa phương là rất hợp lý.

Các chỉ số không được đánh giá cao gồm: Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước; thủ tục giấy tờ không đơn giản; doanh nghiệp cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký; số giờ thanh, kiểm tra thuế còn cao. Qua kết quả khảo sát, có thể thấy nguyên nhân các doanh nghiệp nhận định không tốt về chỉ số *Chi phí thời gian* chủ yếu từ việc phổ biến pháp luật và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các TTHC còn chưa nhiều.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 02).

iii) Chỉ số Đào tạo lao động

Đây là chỉ số tăng bậc nhanh nhất trong 02 năm liên tục từ vị trí 55 trong năm 2019 lên vị trí 31 năm 2020 và vị trí 14 năm 2021 với 10/11 chỉ số có số điểm bằng và cao hơn mức bình quân của cả nước như: Giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt; lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo cao; doanh nghiệp đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng,...

Dù được đánh giá cao về chất lượng nguồn nhân lực; tuy nhiên, chi phí doanh nghiệp bỏ ra để tuyển dụng lao động tại tỉnh cũng không hề nhỏ; việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh không dễ dàng và lao động tại địa phương vẫn chưa đáp ứng phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 03)

(iv) Chỉ số Tính năng động

Năm 2021, chỉ số *Tính năng động* của tỉnh xếp thứ 21/63 tỉnh, thành; tăng 5 bậc.

Chỉ số này cũng ghi nhận sự cải thiện so với năm trước với 05/09 chỉ số con có số điểm cao hơn mức bình quân của cả nước. Cụ thể, tỉnh được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao khi các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp; chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định, nhất quán và các sở, ngành, chính quyền cấp huyện thực hiện thống nhất theo chủ trương, chính sách của UBND tỉnh.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cho rằng UBND tỉnh chưa năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh; phản ứng của tỉnh có phần chậm trễ khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 04).

(v) Chỉ số Gia nhập thị trường

Đây là chỉ số được cải thiện nhiều nhất trong năm, tăng 26 bậc từ vị trí 53 lên vị trí 26/63 tỉnh, thành.

Trong đó, doanh nghiệp đánh giá cao về việc thủ tục tại bộ phận một cửa được niêm yết công khai; doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công; hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ; hầu hết doanh nghiệp mất chưa đến 01 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động.

Song vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng hướng dẫn của cán bộ một cửa về thủ tục chưa rõ ràng, đầy đủ; cán bộ tại bộ phận một cửa chưa nhiệt tình, thân thiện; tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 02 lần trở lên còn nhiều; tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp còn cao.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 05).

(vi) Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Chỉ số *Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp* là chỉ số tăng bậc mạnh thứ 2 sau chỉ số Gia nhập thị trường trong năm 2021, tăng 19 bậc từ vị trí 49 lên 30 của toàn quốc.

Điều này chứng minh rằng một số biện pháp trong cải thiện chỉ số đã phát huy tác dụng và nhận được sự đồng thuận từ doanh nghiệp. Các nội dung được doanh nghiệp đánh giá cao gồm có: Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các cơ quan nhà nước địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi; thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp là dễ thực hiện,...

Dù tăng bậc nhưng chỉ số này vẫn ở vị trí thứ hạng thấp. Trong đó, có 04/13 chỉ số thấp hơn bình quân chung cả nước. Cụ thể, doanh nghiệp cho rằng

thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV; thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp; thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN khó thực hiện; và tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp vẫn còn thấp.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 06).

(vii) Chỉ số Tiếp cận đất đai

Năm 2020, chỉ số *Tiếp cận đất đai* của tỉnh xếp thứ 33/63 tỉnh, thành; tăng 10 bậc.

Có 09/14 chỉ số con có số điểm bằng và cao hơn mức bình quân của cả nước, thể hiện qua các chỉ tiêu như: thời gian chờ đợi để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ); DN không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh; thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng; DN không lo ngại thủ tục hành chính rườm rà hay cán bộ nhũng nhiễu. Bên cạnh đó, vẫn có 05/14 chỉ số con có số điểm dưới mức bình quân của cả nước, thể hiện qua phản ánh của doanh nghiệp về việc: Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh chưa phù hợp với sự thay đổi giá thị trường; cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ; thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết; đặc biệt DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm.

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy nguyên nhân các doanh nghiệp nhận định không tốt về chỉ số *Tiếp cận đất đai* chủ yếu liên quan đến các vấn đề về giải quyết thủ tục hành chính và việc giao đất cho doanh nghiệp còn chậm, chưa thỏa đáng.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 07).

b) Phân tích các chỉ số giảm hạng

Trong 03 chỉ số giảm hạng có 02 chỉ số tăng điểm đó là Chỉ số tính minh bạch và Chỉ số thiết chế pháp lý và An ninh trật tự, điều này cho thấy việc thực hiện các giải pháp trong cải cách 02 chỉ số này đã bước đầu phát huy tác dụng và nhận được sự ghi nhận từ cộng đồng doanh nghiệp, song xét về tổng thể thì các tỉnh/thành khác đã có nhiều cải cách vượt bậc hơn để cải thiện chỉ số này cho nên dù tăng điểm nhưng tỉnh vẫn bị giảm bậc xếp hạng. Ngoài ra, Chỉ số cạnh tranh bình đẳng ghi nhận giảm điểm và giảm vị trí xếp hạng.

i) Chỉ số Tính minh bạch

Năm 2021, chỉ số tính minh bạch đã tăng 0,11 điểm so với năm ngoái, tuy nhiên vẫn bị giảm 01 bậc và xếp thứ 11/63 tỉnh/thành cả nước.

Việc tỉnh tiếp tục giữ vị trí xếp hạng cao đã thể hiện những nỗ lực của tỉnh trong việc không ngừng triển khai các giải pháp nhằm cải thiện chỉ số *Tính minh*

bach đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận. Trong 17 chỉ số thành phần, tỉnh Thừa Thiên Huế có 13 chỉ số bằng và cao hơn bình quân chung cả nước như việc dễ dàng tiếp cận các tài liệu pháp lý, tài liệu liên quan đến quy hoạch, thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích; thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích; doanh nghiệp ít khi phải thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp; khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương,...

Ngoài ra, qua kết quả khảo sát, có thể thấy nguyên nhân các doanh nghiệp nhận định không tốt về chỉ số *Tính minh bạch* đến từ các vấn đề liên quan đến tỷ lệ nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị cơ quan nhà nước của tỉnh cung cấp, vai trò quan trọng của Hiệp hội doanh nghiệp trong xây dựng chính sách, quy định của tỉnh hay tính minh bạch trong đấu thầu.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 08).

(ii) Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

Là chỉ số có vị trí xếp hạng thấp nhất trong tất cả các chỉ số năm 2021, đứng thứ 34/63 tỉnh/thành phố.

Có 10/18 chỉ số thành phần cao hơn bình quân chung cả nước như: Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ nhà nước; DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng; các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được; phán quyết của Tòa án là công bằng... Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật đến 98% đứng thứ 5 cả nước.

Dù vậy, doanh nghiệp vẫn không sẵn sàng sử dụng Tòa án để giải quyết các tranh chấp; phán quyết của Tòa án được thi hành chậm trễ, tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết còn thấp,...

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy nguyên nhân các doanh nghiệp nhận định không tốt về các chỉ số con làm giảm bậc của chỉ số *Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự* liên quan đến tính kịp thời trong xử lý tranh chấp cũng như thi hành phán quyết của Tòa án.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 09).

iii) Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Năm 2021, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của tỉnh xếp thứ 20/63 tỉnh/ thành phố, giảm 10 bậc.

Năm nay, Ban tổ chức đưa vào đánh giá nhiều biến mới; qua đó, không đánh giá việc tiếp cận các hỗ trợ từ chính quyền giữa các doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp có vốn nhà nước mà thay vào đó là đánh giá mối quan

hệ giữa doanh nghiệp lớn và nhỏ như: TTTC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn; thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn; thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn,... Những biến mới này được doanh nghiệp tại tỉnh cho rằng có sự phân biệt khá lớn. Đây chính là nguyên nhân giảm bậc chính của chỉ số này.

Dù cho rằng có sự phân biệt của chính quyền đối với các doanh nghiệp lớn và nhỏ nhưng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn cho rằng hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác không vì thế mà rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh và quan trọng là việc tỉnh ưu ái cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và tư nhân) không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Chi tiết điểm số các chỉ số con tại Phụ lục đính kèm (Bảng 10).

II. MỤC TIÊU VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG PCI NĂM 2022

1. Mục tiêu

- Duy trì và nâng cao vị thứ xếp hạng PCI năm trong TOP 5 và thuộc vào “Nhóm tốt” của cả nước.

- Cải thiện vị trí xếp hạng của tất cả các chỉ số thành phần, cụ thể như sau:

Chỉ số	Xếp hạng		Cơ quan chủ trì
	Năm 2021	Năm 2022	
Tính minh bạch	11	Top 10	Sở Thông tin và Truyền thông/Sở Kế hoạch và Đầu tư
Chi phí thời gian	8	Top 5	Cục Thuế tỉnh
Cạnh tranh bình đẳng	20	Top 10	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Chi phí không chính thức	4	Top 5	Sở Nội vụ
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	34	Top 20	Sở Tư pháp
Tính năng động	21	Top 10	Văn phòng UBND tỉnh
Tiếp cận đất đai	33	Top 20	Sở Tài nguyên và Môi trường
Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	30	Top 20	Sở Công Thương
Gia nhập thị trường	27	Top 20	Sở Kế hoạch và Đầu tư
Đào tạo lao động	14	Top 10	Sở Lao động, Thương binh và

			Xã hội
PCI	8	Top 5	

2. Giải pháp thực hiện

a) Chỉ số Chi phí không chính thức

Giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm duy trì và tiếp tục nâng hạng chỉ số Chi phí không chính thức, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện nghiêm Chi thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Thực hiện nghiêm đạo đức công vụ; quán triệt tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và thực hiện một cửa liên thông trên môi trường mạng nhằm hạn chế việc tiếp xúc giữa doanh nghiệp với cán bộ thụ lý hồ sơ.

- Tăng cường các kênh tiếp nhận thông tin phản ánh từ doanh nghiệp thông qua các ứng dụng công nghệ. Qua đó, có cơ chế giám sát tình trạng chi trả các CPKCT của doanh nghiệp, nghiên cứu tích hợp trên phần mềm Hue-S;

- Tiếp tục nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án các cấp để đảm bảo việc giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp được nhanh chóng, đúng pháp luật, chính xác và công bằng.

- Chính quyền địa phương/sở, ngành tích cực thực hiện các chương trình, hoạt động cộng đồng cùng doanh nghiệp, truyền thông thông điệp tích cực về quản lý nhà nước, qua đó góp phần đẩy lùi tư duy lo ngại của doanh nghiệp về chi phí không chính thức.

b) Chỉ số Chi phí thời gian

Đề nghị Cục Thuế tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Chi phí thời gian, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua nhiều kênh, nhiều phương pháp nhằm tăng khả năng tiếp cận pháp luật cho doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm đạo đức công vụ, quán triệt tinh thần phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức gây phiền hà, nhũng nhiễu khi tiếp xúc doanh nghiệp. Xử lý nghiêm cán bộ vi phạm và bị doanh nghiệp phản ánh.

- Hướng dẫn thông qua Hệ thống thông tin điện tử, văn bản; hạn chế để doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần; cán bộ hướng dẫn phải nắm vững chuyên môn nghiệp vụ, hướng dẫn 01 lần, bám sát tiến độ công việc, có kết quả giải quyết cụ thể, đảm bảo thời gian theo quy định.

- Thực hiện nghiêm Chi thị của Thủ tướng Chính phủ về thanh, kiểm tra doanh nghiệp không quá 01 lần/năm. Có cơ chế giám sát công tác thanh, kiểm tra, đặc biệt đối với ngành thuế.

c) Chỉ số Đào tạo lao động

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số đào tạo lao động, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Hỗ trợ phát triển dịch vụ giới thiệu việc làm ở khu vực tư nhân thông qua hỗ trợ kết nối các đơn vị đào tạo trong tỉnh với các doanh nghiệp trên địa bàn bằng các hình thức: Tổ chức các chương trình về nhân lực, hội nghị về giáo dục, chương trình tập sự,...

- Có chính sách hỗ trợ các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh phát triển theo hướng chất lượng, đáp ứng nhu cầu công việc, đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp.

- Khuyến khích doanh nghiệp quan tâm, đầu tư dành kinh phí cho công tác đào tạo trong chiến lược kinh doanh của mình thông qua các buổi nói chuyện của các chuyên gia đầu ngành về lao động và đào tạo lao động.

- Khẩn trương xây dựng và triển khai Đề án Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

d) Chỉ số Tính năng động

Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Tính năng động, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Tiếp tục thực hiện các chương trình Lãnh đạo tỉnh đồng hành với doanh nghiệp và cộng đồng như: Gặp gỡ Huế, Chủ tịch gặp mặt doanh nghiệp, Chủ tịch gặp mặt, trao đổi, chia sẻ và giải quyết các vướng mắc, khó khăn của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong xã hội,...

- Tăng cường đánh giá việc thực hiện kịp thời ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh đối với các sở, ban, ngành, địa phương; tiêu chí này cần được xem là một tiêu chí lớn trong việc đánh giá, xếp loại, khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương.

- Chủ trì rà soát thời hạn giải quyết TTHC đảm bảo không để xảy ra tình trạng chậm trễ; công khai việc giải quyết TTHC đối với người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin của tỉnh.

- Chủ trì thực hiện chuẩn hóa các TTHC, nghiên cứu đề nghị cắt giảm TTHC và đa dạng hình thức công khai các TTHC để nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh đôn đốc các đơn vị, địa phương giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; giám sát kết quả thực hiện về giải quyết yêu cầu, mong muốn, khiếu nại của doanh nghiệp, người dân.

- Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác thực thi, triển khai các kết luận của lãnh đạo UBND tỉnh liên quan đến doanh nghiệp và cộng đồng.

đ) Chỉ số Gia nhập thị trường

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Gia nhập thị trường, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổ chức đào tạo, cập nhật, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho cán bộ một cửa, cán bộ thường xuyên tiếp xúc, làm việc với doanh nghiệp cũng như cán bộ, công chức nói chung, đảm bảo hướng dẫn, giải quyết hồ sơ doanh nghiệp nhanh chóng, đúng pháp luật.

- Tăng cường hướng dẫn, phổ biến cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân, tổ chức liên quan về các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp chuyển đổi từ Hộ kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa,...

- Luân chuyển cán bộ một cửa về hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ. Quán triệt tinh thần, thái độ của cán bộ một cửa, thay đổi tư duy quản lý sang tư duy phục vụ trong thực thi công vụ.

- Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tăng cường công tác đánh giá cán bộ một cửa; định kỳ 01 lần/01 tháng tiến hành tổng hợp đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khi giao dịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Chủ trì đăng tải danh sách các dự án đầu tư chậm triển khai hoạt động, các dự án đầu tư ngừng triển khai hoạt động trên Trang thông tin điện tử của sở, ngành.

- Triển khai hiệu quả các thủ tục công bố thông tin doanh nghiệp và công bố thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo phương thức điện tử, tăng tỷ lệ giải quyết thủ tục trực tuyến.

- Tăng cường công tác đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử thông qua việc phối hợp với các đơn vị cung ứng CNTT hàng đầu. Phối hợp với

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh/Hội doanh nhân trẻ hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, kết hợp việc đăng ký hồ sơ qua mạng ngay tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (nơi nhận và trả kết quả); hạn chế tối đa việc bổ sung hồ sơ nhằm giảm chi phí thời gian và đi lại của doanh nghiệp; triển khai các hoạt động hỗ trợ đầu tư, tiếp xúc doanh nghiệp thông qua các chương trình “Gặp mặt đối thoại doanh nghiệp”, “Cafe doanh nhân”...

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan theo dõi, nắm bắt và tổng hợp thông tin đến tình hình triển khai các dự án do UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư; địa điểm đầu tư, kịp thời đôn đốc các cơ quan liên quan hỗ trợ, giải quyết những kiến nghị, khó khăn và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh hàng tuần, hàng tháng thông qua các Tổ công tác giám sát, quản lý các dự án đầu tư do Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm tổ trưởng; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư “tại chỗ”;

- Chủ trì tham mưu triển khai chương trình đánh giá DDCI 2022 nhằm tiếp tục có sự vào cuộc đồng bộ, thực chất của các sở, ngành và địa phương trên toàn tỉnh.

e) Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp

Giao Sở Công Thương phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, địa phương có liên quan theo dõi, đánh giá quá trình triển khai, hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; công khai phương án phát triển cụm công nghiệp, phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp và thông tin đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, nghiên cứu đầu tư vào cụm công nghiệp.

- Triển khai các giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp trong tham gia hội nhập kinh tế quốc tế; nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết, kết nối hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp trong tỉnh.

- Hỗ trợ hỗ trợ doanh nghiệp triển khai ứng dụng thương mại điện tử để kinh doanh trực tuyến (hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia và đăng ký thành công tài khoản bán hàng trên các sàn thương mại điện tử lớn và uy tín hàng đầu của Thế giới, của Việt Nam)...

- Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan phổ biến, tuyên truyền và hướng dẫn doanh nghiệp nhận hỗ trợ từ các chính sách hiện có trên địa bàn.

g) Chỉ số Tiếp cận đất đai

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Tiếp cận đất đai, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Giảm thời gian xử lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân và doanh nghiệp xuống dưới số ngày bình quân của cả nước.

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao tính minh bạch về đất đai:

- + Triển khai cung cấp rộng rãi trên các phương tiện về thông tin quy hoạch, đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng.

- + Tiếp tục công khai, minh bạch trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất và trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

- + Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các TTHC có liên quan về đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản.

- Tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận đất đai; tăng cường đối thoại chuyên đề để hướng dẫn các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận quỹ đất.

- Tiếp tục theo dõi tình hình áp dụng bảng giá các loại đất trong thời hạn 05 năm để kịp thời điều chỉnh đáp ứng tình hình thực tế của địa phương, phù hợp với sự thay đổi giá thị trường và đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần trách nhiệm, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao trong quản lý nhà nước về đất đai.

- Chủ trì theo dõi, kịp thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành trong việc triển khai thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng đúng theo quy định pháp luật; đồng thời, đẩy nhanh các hoạt động giải phóng, đền bù và giao mặt bằng cho doanh nghiệp.

h) Chỉ số Tính minh bạch

Giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Tính minh bạch, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Thực hiện cơ chế giám sát giải quyết yêu cầu, khiếu nại của doanh nghiệp qua các kênh thông tin chính thống như Hệ thống thông tin phản ánh

hiện trường, ứng dụng di động Hue-S; thực hiện cơ chế công khai, minh bạch trên Hệ thống thông tin phản ánh hiện trường và ứng dụng Hue-S. Thực hiện chặt chẽ quy trình công việc bằng công nghệ nhằm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công việc trong quá trình thực thi công vụ.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên mức độ 4.

Giao Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Công thông tin điện tử tỉnh các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Tính minh bạch, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Công khai minh bạch các thông tin, tài liệu theo quy định trên các phương tiện (đặc biệt các lĩnh vực: Quy hoạch, kế hoạch vốn đầu tư công, danh mục dự án, tiêu chí kêu gọi đầu tư; đấu giá bán tài sản công,...).

- Hỗ trợ cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời khi doanh nghiệp có yêu cầu (trong khoảng thời gian từ 02-03 ngày làm việc).

- Tham mưu đẩy mạnh triển khai phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trên môi trường mạng.

i) Chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự

Giao Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan Công an, Tòa án, Thi hành án chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Đẩy nhanh và mạnh công tác xét xử của Tòa án và việc tổ chức thi hành án liên quan đến doanh nghiệp.

- Phối hợp triển khai mạnh mẽ công tác toàn dân đấu tranh phòng chống tham nhũng, xử lý nghiêm những trường hợp bao che những cán bộ những nhiều.

- Tăng cường công tác tiếp nhận thông tin phản ánh của doanh nghiệp đa dạng qua các công cụ trực tiếp và gián tiếp, như: Thư điện tử, thư giấy, ghi âm, ghi hình, phản ánh qua Hue-S,...

k) Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động xây dựng kế hoạch triển khai nhằm cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng, trong đó lưu ý các giải pháp:

- Đối xử bình đẳng với các doanh nghiệp (trong nước và ngoài nước; nhà nước và dân doanh). Triển khai mạnh mẽ các hoạt động, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên cơ sở các quyết định, kế hoạch hỗ trợ đã được UBND tỉnh ban hành.

- Quan tâm hỗ trợ thủ tục hành chính về đầu tư cho các DNNVV, hỗ trợ cung cấp thông tin dự án đầu tư kịp thời khi doanh nghiệp có yêu cầu.

- Lãnh đạo UBND tỉnh, sở/ngành, địa phương thường xuyên tham dự các hội nghị tiếp xúc với DNNVV, qua đó tạo mối quan hệ tích cực, nắm bắt các mong muốn từ nhóm đối tượng này để có giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

- Nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh để hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc tiếp cận các nguồn lực, thủ tục và chính sách của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ Kế hoạch này và kết quả khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về từng chỉ số con của các chỉ số thành phần năm 2021; các cơ quan, đơn vị chủ trì từng chỉ số thành phần chủ động xây dựng **Kế hoạch chi tiết** để triển khai nhằm tiếp tục duy trì và nâng cao vị thứ xếp hạng **Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022** trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Kế hoạch này được ban hành, thực hiện báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ được phân công (*trước ngày 01/12*) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Liên đoàn TM&CN Việt Nam (VCCI);
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- TAND tỉnh, VKS ND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn;
- VPUBND tỉnh: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương